

-(으)ㄴ 때마다

mỗi khi, mỗi lần

Kết hợp -(으)ㄴ 때 với 마다. Không có gì mới phải học về hình thức — giá trị nằm ở việc thấy hai thành phần bạn đã biết chồng lên nhau thế nào.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄴ 때마다	보다 → 볼 때마다
Kết thúc bằng phụ âm	-을 때마다	먹다 → 먹을 때마다
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들 때마다
Bất quy tắc ㄷ	ㄷ thành ㄹ	듣다 → 들을 때마다
Danh từ dùng	chỉ 마다	주말마다
Dạng yếu hơn	-(으)면	보면 생각나요

Khi nào dùng

Cách kết hợp giống hệt -(으)ㄴ 때: gốc nguyên âm đi với -ㄴ, gốc phụ âm đi với -을, và gốc ㄹ không thêm gì. 만들다 thành 만들 때마다.

Nó cho biết về sau xảy ra vào mọi lần về trước xảy ra: 그 노래를 들을 때마다 고향 생각이 나요. Vì khẳng định là lần nào cũng vậy, không ngoại lệ, nó mạnh hơn -(으)면, vốn chỉ đặt ra một điều kiện.

Danh từ tự đi với 마다 — 주말마다, 아침마다 — nên -(으)ㄴ 때마다 chỉ cần khi yếu tố kích hoạt là động từ.

Ví dụ trong câu

1 그 노래를 들을 때마다 고향 생각이 나요.

Mỗi khi nghe bài hát đó, tôi lại nhớ nhà.

2 한국에 갈 때마다 그 식당에 가요.

Mỗi lần đến Hàn Quốc, tôi đều ghé nhà hàng đó.

3 시험을 볼 때마다 긴장돼요.

Mỗi lần đi thi tôi đều hồi hộp.

4 김치를 만들 때마다 어머니가 생각나요.

Mỗi khi làm kim chi, tôi lại nhớ mẹ.

5 그 사람을 만날 때마다 기분이 좋아져요.

Mỗi lần gặp anh ấy tôi đều thấy vui hơn.

6 비가 올 때마다 무릎이 아파요.

Cứ mỗi khi trời mưa là đầu gối tôi lại đau.

So sánh với

-(으)ㄴ 때 -(으)ㄴ 때 chỉ một thời điểm; thêm 마다 thì khẳng định là tất cả các lần. Không có 마다, câu vẫn cho phép ngoại lệ. 한국에 갈 때 그 식당에 가요. (khi tôi đi) / 갈 때마다 가요. (lần nào đi cũng vậy)
-(으)면 -(으)면 đặt điều kiện có thể xảy ra hoặc không; -(으)ㄴ 때마다 giả định nó lặp lại và tính từng lần. 비가 오면 안 나가요. (nếu trời mưa) / 비가 올 때마다 무릎이 아파요. (mỗi khi trời mưa)

마다 Với danh từ, 마다 tự dùng được. Dạng dài hơn chỉ tồn tại vì động từ không thể gắn tiểu từ trực tiếp. 주말마다 등산해요. / 월 때마다 등산해요.

Lưu ý

- ✗ 김치를 만들을 때마다 생각나요.
- 김치를 만들 때마다 생각나요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 수 있다.
- ✗ 그 노래를 들을 때마다 생각나요.
- 그 노래를 들을 때마다 생각나요.
듣다 là bất quy tắc ㄷ: ㄷ thành ㄹ trước đuôi bắt đầu bằng nguyên âm, thành 들을.
- ✗ 주말 때마다 등산해요.
- 주말마다 등산해요.
Danh từ gắn 마다 trực tiếp. 때 chỉ cần khi yếu tố kích hoạt là động từ.